

1. So sánh Top-level containers (các container cấp cao nhất)

AWT	Swing
Frame (java.awt.Frame)	JFrame (javax.swing.JFrame)
Dialog (java.awt.Dialog)	JDialog (javax.swing.JDialog)
Applet (java.awt.Applet)	JApplet (javax.swing.JApplet)

Nhận xét: Swing thường dùng các container tương tự như AWT nhưng tên class có thêm chữ "J" phía trước.

2. So sánh Tên class của các thành phần (components)

AWT Component	Swing Component
Label (java.awt.Label)	JLabel (javax.swing.JLabel)
TextField (java.awt.TextField)	JTextField (javax.swing.JTextField)
Button (java.awt.Button)	JButton (javax.swing.JButton)
Checkbox (java.awt.Checkbox)	JCheckBox (javax.swing.JCheckBox)
List (java.awt.List)	JList (javax.swing.JList)

Nhận xét: Giống như container, Swing kế thừa và mở rộng AWT bằng cách thêm chữ "J" trước tên class.

3. So sánh Event-handling (xử lý sự kiện)

AWT	Swing
Dùng mô hình event delegation	Dùng cùng mô hình event delegation
Listener interfaces (ActionListener, etc.)	Listener interfaces giống AWT
Sử dụng các class như ActionEvent	Sử dụng cùng loại event như ActionEvent

Nhận xét:

- Cách xử lý sự kiện gần như giống nhau giữa AWT và Swing.
- Swing hỗ trợ thêm một số listener mới và khả năng phản hồi sự kiện mạnh mẽ hơn.

4. Sự khác biệt về giao diện (appearance)

- AWT: Dùng native GUI của hệ điều hành \Rightarrow giao diện thay đổi tùy theo Windows, Mac, Linux...

- Swing: Tự vẽ giao diện (lightweight) \Rightarrow giao diện đồng nhất trên các hệ điều hành và dễ tùy chỉnh (dùng Look and Feel).

Nhận xét: Swing thường có giao diện đẹp hơn, hiện đại hơn và dễ tùy biến so với AWT.